

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST

Ngày 08-4-2021

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Công Khoan.

Ông Nông Văn Bằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Đông, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Trang, Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nông Thị T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn T1, sinh năm 1995.

Nơi đăng ký hộ khẩu: Thôn A, xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án, chị Nông Thị T trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị T và anh Hoàng Văn T1 được tìm hiểu nhau, sau đó tự nguyện lấy nhau và có tổ chức đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 22/12/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sinh sống cùng bố mẹ chị T tại thôn A, xã C, huyện B, tỉnh Lạng

Son; vợ chồng sống hạnh phúc và có với nhau một người con chung. Sau khi có con chung, anh Hoàng Văn T1 không tu chí làm ăn mà xa ngã vào tệ nạn xã hội cờ bạc và sử dụng ma túy. Chị Nông Thị T và gia đình hai bên nội ngoại đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Hoàng Văn T1 không nghe. Chị Nông Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn T1.

Về con chung: Chị Nông Thị T và anh Hoàng Văn T1 có một người con chung tên là Nông Hoàng Bảo D, sinh ngày 22/6/2016. Khi ly hôn chị Nông Thị T yêu cầu được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nông Hoàng Bảo D đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh Hoàng Văn T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Không có.

Bị đơn anh Hoàng Văn T1 đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không chấp hành theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án. Tòa án đã tiến hành xác minh, giao các văn bản tố tụng cho mẹ đẻ anh Hoàng Văn T1 là bà Bé Thị C và tiến hành thu thập chứng cứ, mở phiên họp theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu, ý kiến như trên.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 48, 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử, nghị án nguyên đơn chị Nông Thị T đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự như: Thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; có mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn anh Hoàng Văn T1 vắng mặt tại Tòa án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, do vậy chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nông Thị T. Về con chung: Giao con chung là Nông Hoàng Bảo D, sinh ngày 22/6/2016 cho chị Nông Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh Hoàng Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Hoàng Văn T1 có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung: không có. Về án phí, buộc nguyên đơn chị Nông Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Nông Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn. Vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Hoàng Văn T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn và chỗ ở tại thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, việc tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử cho nguyên đơn, bị đơn hợp lệ. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Hoàng Văn T1 không hợp tác mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ cho mẹ đẻ anh Hoàng Văn T1 là bà Bé Thị C, bà Bé Thị C cũng thừa nhận rằng các văn bản tố tụng do Tòa án giao cho bà, bà đã thông báo cho con trai Hoàng Văn T1 nhưng anh T1 không đến Tòa và thông báo cho bà C biết để Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Hoàng Văn T1 theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nông Thị T và anh Hoàng Văn T1 được tìm hiểu nhau, lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 22/12/2015 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Như vậy hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn gia đình: Sau khi chị Nông Thị T có con chung vào năm 2016, thì anh Hoàng Văn T1 không chịu tu chí làm ăn mà còn chơi bời cờ bạc dẫn đến nghiện ma túy, chị T và gia đình đã khuyên bảo anh T1 và tha thứ cho anh T1 nhưng anh T1 vẫn không nghe; sau đó anh T1 đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn sinh sống, từ đó đến nay hai vợ chồng sống ly thân và không liên lạc gì với nhau. Chị Nông Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn T1.

Tòa án đã tiến hành xác minh mâu thuẫn gia đình giữa chị T và anh T1 thì được bà Bé Thị C mẹ đẻ anh T1 cho biết anh Hoàng Văn T1 hiện nay đang đi làm công ty ở Bắc Ninh thỉnh thoảng về nhà thăm gia đình.

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Hoàng Văn T1 không tu chí làm ăn và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh Hoàng Văn T1 vẫn không thay đổi, vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Nông Thị T đều trình bày không còn tình cảm vợ chồng với anh Hoàng Văn T1, chị yêu cầu được ly hôn với anh Hoàng Văn T1.

Anh Hoàng Văn T1 không hợp tác với Tòa án trong quá trình giải quyết ly hôn và cũng không có ý kiến về việc chị Nông Thị T có đơn xin ly hôn với anh. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Nông Thị T yêu cầu ly hôn với anh Hoàng Văn T1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị Nông Thị T là có căn cứ, cần chấp nhận.

[5] Về con chung: Có một người con chung tên là Nông Hoàng Bảo D, sinh ngày 22/6/2016. Khi ly hôn chị Nông Thị T yêu cầu được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nông Hoàng Bảo D đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh Hoàng Văn T1 phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Hoàng Văn T1 vắng mặt, không có ý kiến gì. Hiện nay cháu Nông Hoàng Bảo D đang ở cùng chị T và chị T đang là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu D nên chấp nhận yêu cầu của chị Nông Thị T được quyền nuôi con và không yêu cầu anh Hoàng Văn T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị Nông Thị T trình bày là không có, quá trình giải quyết vụ án anh Hoàng Văn T1 vắng mặt, không có ý kiến gì. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Nông Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ vào Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Nông Thị T. Chị Nông Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn T1.

2. Về con chung: Giao cháu Nông Hoàng Bảo D, sinh ngày 22 tháng 6 năm 2016 cho chị Nông Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Hoàng Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Hoàng Văn T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Không có.

4. Về án phí: Chị Nông Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn để nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Nông Thị T đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2012/05923 ngày 28 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bắc Sơn;
- UBND xã Chiêu Vũ, huyện Bắc Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Công Đức